

Uông Bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018; phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Thực hiện công văn số 597/BXDNTM-NVNTM ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ban xây dựng Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh về việc báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2018; Chương trình OCOP tỉnh Quảng Ninh năm 2018. Phương hướng nhiệm vụ năm 2019. Căn cứ vào thực trạng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Uông Bí, Ban chỉ đạo xây dựng NTM Thành phố báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019 như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 11 THÁNG, ƯỚC CẢ NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Trên địa bàn thành phố Uông Bí có 02 xã xây dựng Nông thôn mới là xã Diên Công và xã Thượng Yên Công. Trong giai đoạn 2011-2016 xã Diên Công và Thượng Yên Công đã được công nhận hoàn thành chương trình xây dựng Nông thôn mới tại Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Tháng 5/2018 UBND Thành phố đã hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh Quảng Ninh, Hội đồng thẩm định nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh thẩm tra, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét công nhận thành phố Uông Bí hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định. Sau 08 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/10/2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) về “*Xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020*”; cả hệ thống chính trị từ Thành phố đến các xã, phường đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố đã được triển khai tích cực, đúng hướng và đạt được nhiều kết quả quan trọng, được nhân dân đồng tình, ủng hộ và tham gia tích cực. Cơ sở hạ tầng thiết yếu và an sinh xã hội của 2 xã được quan tâm đầu tư; thu nhập và điều kiện sống của người dân được nâng cao rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp hàng hóa được coi trọng và có chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao thu nhập của người nông dân. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Chương trình OCOP “*Mỗi xã, phường một sản phẩm*” đã tạo được nét riêng cho xây dựng nông thôn mới của thành phố Uông Bí.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện Chương trình cũng còn những hạn chế: Tiến độ triển khai nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tiến độ còn chậm so với yêu cầu; việc triển khai vùng sản xuất hàng hóa tập

trung trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã còn thấp, tính liên kết giữa các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm (theo chuỗi) còn yếu. Chưa khuyến khích được doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Phát triển sản phẩm OCOP còn chậm, quy mô sản xuất và sản lượng chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân về những nội dung thiết yếu của Chương trình chưa đầy đủ; việc quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở ở một số thời điểm còn chưa thực sự thường xuyên, sâu sát.

Đến thời điểm hiện nay đối chiếu với bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020, kết quả đạt được:

Xã Điền Công đạt 19/20 tiêu chí, còn 1 tiêu chí (gồm 3 chỉ tiêu) chưa đạt là tiêu chí số 20 về xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Xã Thượng Yên Công đạt 18/20 tiêu chí, còn 2 tiêu chí (gồm 4 chỉ tiêu) chưa đạt là tiêu chí số 17- 01 chỉ tiêu chưa đạt chỉ tiêu về chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, tiêu chí số 20 về xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành.

- Căn cứ vào thực trạng xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn thành phố Uông Bí, Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới thành phố đưa ra quan điểm chỉ đạo xác định nhiệm vụ trọng tâm:

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 27/10/2010 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng Nông thôn mới đến năm 2020; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 03/12/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

+ Thực hiện tốt các nội dung chỉ đạo tại Công văn số 14/BCDDTW-VPĐP ngày 25/8/2015 của Ban chỉ đạo Trung ương chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: về việc chỉ đạo xây dựng kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

+ Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/12/2010 về việc xây dựng Nông thôn mới thị xã Uông Bí; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí); Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/12/2016 của BCH Đảng bộ Thành phố về phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

+ Thực hiện tốt các nội dung tại Quyết định: 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh quyết định ban hành bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 847/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 848/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí Khu dân cư (thôn) Nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 849/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng

Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí tạm thời xây dựng vườn mẫu Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các thôn thuộc tỉnh Quảng Ninh. Quyết định số: 1593/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí tạm thời hộ gia đình Nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các thôn thuộc tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017 -2020.

- Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới thành phố đã kiện toàn lại, ban hành qui chế phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ban chỉ đạo. Nhấn mạnh việc tiếp tục triển khai chương trình xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn Thành phố theo hướng chuyển “từ chiều rộng sang chiều sâu, từ lượng sang chất”, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí Nông thôn mới gắn với thực hiện chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm, xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu. Kiện toàn Văn phòng điều phối Nông thôn mới theo nội dung Quyết định 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- UBND Thành phố ban hành Quyết định số: 4295/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 về việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ vật liệu xây dựng bê tông hóa đường giao thông nông thôn, khu, đường nội đồng tại các xã, phường giai đoạn 2017-2020.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND Tỉnh, UBND thành phố Uông Bí đã ban hành Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” thành phố Uông Bí, giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số: 7873/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điện Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020; Quyết định số: 7874/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020;

- Chỉ đạo các đơn vị, phường, xã, phòng ban liên quan thực hiện tốt các Quyết định, qui định, hướng dẫn của UBND Tỉnh, các sở ban ngành thuộc tỉnh về chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Rà soát hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định số: 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; Quyết định số: 3923/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018 -2020.

2. Công tác tuyên truyền, vận động:

Trong 11 tháng năm 2018 Trung tâm Truyền thông và văn hóa Thành phố đã sản xuất, khai thác 86 lượt tin, bài, phóng sự tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin tổng hợp, trang DDCI và các trang mạng xã hội, hệ thống truyền thanh từ Thành phố đến các xã, phường, thôn khu tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, tỉnh Quảng Ninh và Thành phố về chương trình xây dựng nông thôn mới; giới thiệu các mô hình phát triển sản xuất, cách làm hay trong phát triển kinh tế, kịp thời khen thưởng biểu dương các tập thể cá nhân có thành tích trong xây dựng nông thôn mới; xây dựng chuyên mục trên hệ thống phát thanh, trung bình 1 tháng 1 số phát trên hệ thống phát thanh từ thành phố tới cơ sở; tổ chức xuống đường tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới để người dân hiểu: xây dựng nông thôn mới chính người dân là chủ thể, thay đổi tư duy trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; lồng ghép việc tuyên truyền xây dựng nông thôn mới vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền lưu động với những nội dung, hình thức phong phú, phù hợp với đặc điểm của địa phương.

- UBND 02 xã tổ chức được 09 cuộc tọa đàm (Thượng yên Công 07 cuộc, Điền Công 02 cuộc) trực tiếp tuyên truyền tới cán bộ, đảng viên và nhân dân 02 xã Điền Công, Thượng Yên Công về Kế hoạch và các chỉ tiêu trong chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020. Tiếp tục thông tin trên hệ thống phát thanh của các xã, thôn, thông qua các cuộc họp dân tại thôn, khu các buổi sinh hoạt tập thể của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội để người dân nắm bắt và hiểu rõ hơn về xây dựng nông thôn mới như: các chủ trương, chính sách, của Trung ương, của Tỉnh và của Thành phố về nhóm chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới áp dụng trong Tỉnh.

Vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện Chương trình nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động của các hội, đoàn thể như: phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*, *"Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020"*, mô hình *"5 không, 3 sạch"*, hưởng ứng ngày *"Chủ nhật xanh"* bằng nhiều hình thức với sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã, thôn. Các xã xây dựng tin, bài (45 tin bài) về chủ đề xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất, tăng số lượng phát thanh qua hệ thống loa truyền thanh của xã và các thôn.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình *"Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP)"* của tỉnh Quảng Ninh, thành phố Uông Bí; tuyên truyền quảng bá các nông sản, các sản phẩm thương hiệu của tỉnh và Thành phố, tuyên truyền về cuộc thi phân hạng sản phẩm OCOP năm 2018.

3. Công tác đào tạo tập huấn cán bộ:

- Văn phòng điều phối nông thôn mới thành phố, lãnh đạo cán bộ xây dựng nông thôn mới các thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các lớp tập huấn chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP do Trung ương và Tỉnh tổ chức.

- Các xã tổ chức cho cán bộ chủ chốt, các thôn trưởng, nông dân tiêu biểu đi tham quan học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trong và ngoài Tỉnh (02 cuộc).

4. Công tác huy động nguồn lực:

Năm 2018 kinh phí hỗ trợ cho Chương trình là 21.606,35 triệu đồng;

Trong đó:

(1). Từ ngân sách Nhà nước

- + Ngân sách TW: 2.000,00 triệu đồng;
- + Ngân sách Thành phố: 4.471,47 triệu đồng;
- + Ngân sách xã: 10.752,46 triệu đồng.

(2). Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách

- + Các tổ chức doanh nghiệp: 263 triệu đồng;
- + Dân góp (số tiền mặt; số ngày công; hiến đất, tài sản, vật kiến trúc ...) quy thành tiền: 4.119,42 triệu đồng;

5. Kết quả thực hiện phong trào thi đua “Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới”: đã được các cấp các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và địa phương triển khai cụ thể bằng các phong trào hiến đất, góp công để xây dựng các công trình kênh mương nội đồng, đường giao thông. Đã huy động từ các doanh nghiệp 263 triệu đồng, nhân dân đóng góp 4.119,42 triệu đồng.

6. Công tác kiểm tra, giám sát tại địa phương:

Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới Thành phố, UBND Thành phố tăng cường công tác kiểm tra giám sát, phát hiện kịp thời những vấn đề tồn tại, bất cập để kịp thời chấn chỉnh, đồng thời đưa ra những giải pháp, hướng dẫn các xã triển khai thực hiện.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

1. Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí:

1.1. Công tác quy hoạch

UBND Thành phố tập trung chung chỉ đạo 02 xã Điện Công và Thượng yên Công, các phòng ban có liên quan rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch xây dựng Nông thôn mới đã được phê duyệt theo yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn 2017-2020, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, an ninh trật tự và tập quán sinh hoạt của vùng nông thôn, đảm bảo hài hòa trong việc chỉnh trang các khu dân cư nông thôn.

1.2. Hạ tầng kinh tế- xã hội

Tập trung xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông, hệ thống kênh mương nội đồng như:

- Đường giao thông:

+ Nâng cấp tuyến đường trục xã Thượng Yên Công, đoạn từ đập tràn số 2 đến dốc Bò Lăn thôn Năm Mẫu 2, tổng chiều dài 772,3 m từ nguồn vốn ngân sách Thành phố; triển khai thi công xong công trình tuyến đường xóm tại thôn Đồng Chanh xã Thượng Yên Công chiều dài 430,6 m; triển khai thi công công trình các tuyến đường xóm thôn Năm Mẫu 1, Miếu Bòng, Năm mẫu 2, Khe Sứ 1 với tổng chiều dài 650,81 km, tiếp tục vận động nhân dân hiến đất giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình các tuyến đường ngõ xóm và rãnh thoát nước.

+ Hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến đường ngõ xóm tại Thôn 2 xã Điện Công với chiều dài 150 m.

- Kênh mương nội đồng: Nạo vét thượng lưu đập, nạo vét khơi thông dòng chảy tại các tuyến suối Năm Mẫu I, đập Quan Điện, đập Miếu Bòng, sửa chữa 30 m kênh mương tại xóm Khe Giang thôn Tập Đoàn xã Thượng Yên Công; xây dựng xong tuyến mương nội đồng Thôn 3 xã Điện Công dài 292 m, tuyến đường nội đồng Thôn 2 dài 225 m.

- Xây dựng hoàn thành nhà văn hóa thôn Khe Sứ 1 với tổng giá trị dự toán: 1.883 triệu đồng (từ nguồn Trung ương khen thưởng 01 tỷ đồng), đổ bê tông 700 m² sân Trạm y tế để tránh ngập úng tại xã Thượng Yên Công; hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng, đổ đất tôn nền và đang xây dựng công trình phụ trợ nhà văn hóa Thôn 3 xã Điện Công.

- Tiếp tục vận động nhân dân hiến đất, huy động ngày công để thực hiện thi công các tuyến đường giao thông, đường nội đồng theo kế hoạch thực hiện năm 2018.

1.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất

- Tiếp tục thực hiện Đề án 125 về phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phát triển các sản phẩm có lợi thế như thanh long ruột đỏ, vải chín sớm, Mai vàng Yên Tử... cơ cấu cây trồng, vật nuôi dần được dịch chuyển theo hướng sản xuất tập trung.

- Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2018 đạt kế hoạch đề ra, cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, không có thiệt hại do sâu bệnh gây ra; năng suất lúa tại 02 xã đạt vượt kế hoạch giao. Diện tích gieo trồng cây hàng năm 2018 đạt kế hoạch đề ra.

- Triển khai các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi cho nông dân trên địa bàn 02 xã; triển khai thực hiện mô hình xử lý rơm rạ trên đồng ruộng bằng chế phẩm sinh học tại xã Điện Công; triển khai thực hiện dự án nuôi gà ri vàng rơm tại các phường, xã trên địa bàn thành phố, trong đó xã Thượng Yên Công và Điện Công số hộ tham gia dự án là 06 hộ.

- Tiếp tục duy trì thực hiện phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm thịt lợn an toàn từ khâu sản xuất đến tiêu thụ tại địa bàn xã Thượng yên Công. Triển khai thực hiện các mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn tại xã Điện Công.

- Chương trình Mỗi xã, phường một sản phẩm được chú trọng quan tâm, trong 11 tháng đầu năm 2018, Thành phố đã phối hợp với các đơn vị sản xuất sản phẩm OCOP tham gia Hội chợ OCOP Xuân 2018 tại Hạ Long; lập kế hoạch tổ chức cuộc thi đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP cấp thành phố năm 2018; chuẩn bị hàng hóa tham gia trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm tại Lễ hội Hoa Anh đào - Mai vàng Yên Tử năm 2018, Huyện Tiên Yên, Thành phố Móng Cái, Thành phố Hạ Long... Số sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố là 33 sản phẩm, trong đó có 06 sản phẩm đạt 4 sao, 01 sản phẩm đạt 5 sao, số sản phẩm đăng ký mới là 06 sản phẩm, số sản phẩm được công nhận 03 sản phẩm.

3.4. Văn hóa xã hội, môi trường

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm, đến thời điểm hiện tại là 1,38%, không có hộ tái nghèo. Các chế độ chính sách đối với người có công, trẻ em, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện đầy đủ đúng quy định trên địa bàn 02 xã.

- 100% các thôn đăng ký danh hiệu thôn văn hóa, xã đăng ký xã đạt tiêu chuẩn danh hiệu “văn hóa nông thôn mới”. Trong 9 tháng năm 2018 Thành phố hỗ trợ lắp đặt 05 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời tại trung tâm văn hóa thể thao xã Điện Công. Việc cưới, việc tang, lễ hội tại 2 xã được tổ chức văn minh, gọn nhẹ, không phô trương hình thức, đảm bảo thuần phong mỹ tục, phù hợp với phong tục tập quán, tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được người dân hưởng ứng tham gia tại các nhà văn hóa thôn trong các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của cả nước, của địa phương, ngày kỷ niệm các hội, đoàn thể, ngày tết Nguyên đán, ngày sinh nhật Bác...

- Trường học các cấp trên địa bàn 02 xã giữ vững tiêu chí đạt chuẩn quốc gia. Đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp tại địa phương, phấn đấu giữ vững tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp 1, cấp 2 đạt 100%; trên địa bàn 02 xã không có trẻ em mù chữ; Tỷ lệ học sinh tiếp tục tham gia học lên cấp 3 và các trường nghề đạt 95%. Đồng thời ngành đã thực

hiện các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở cả 02 xã Điền Công và Thượng Yên Công, đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo theo Quyết định số 1210/QĐ-TTg ngày 05 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng yêu cầu tiêu chí giáo dục.

- Duy trì 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã theo Bộ tiêu chí mới; chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn được nâng cao. Thực hiện tốt các mục tiêu, dự án, chương trình quốc gia về Y tế, Dân số - KHHGD. Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế, phòng chống dịch bệnh ở người, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý hành nghề y, dược tư nhân. Số lượt khám, chữa bệnh cho người dân tại Trạm Y tế xã trong năm đạt trên 4000 lượt, tỷ lệ quản lý sức khỏe toàn dân bằng hồ sơ điện tử đạt 100%. Tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em đạt trên 97%, tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt 100%. Tỷ lệ người dân nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi giảm còn dưới 12%.

- Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh duy trì đảm bảo 100%. Tỷ lệ hộ có bể chứa nước, nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh được duy trì đảm bảo tại 02 xã Điền Công; tại xã thượng Yên Công.

- Chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước; được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh; chất thải chăn nuôi được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

- Các khu tập kết rác thải được đảm bảo vệ sinh, tổ chức các buổi tuyên truyền, hoạt động về môi trường. Công tác thu gom quản lý chất thải rắn, nước thải ở khu vực nông thôn đã được người dân thường xuyên quan tâm, vệ sinh môi trường nông thôn được đảm bảo. Duy trì và thực hiện tốt phong trào “ngày chủ nhật xanh”. Lắp đặt mới thêm 20 bể chứa rác thải nông nghiệp, 10 thùng đựng rác công cộng trên địa bàn xã Điền Công.

3.5. Về an ninh, trật tự xã hội

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, duy trì tốt chế độ trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu, triển khai thực hiện tốt các đợt cao điểm tấn công trấn át tội phạm, tình hình an ninh chính trị trật tự trên địa bàn nông thôn được giữ vững, trên địa bàn không có "điểm nóng" về an ninh trật tự.

Thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới, không có khiếu kiện đông người kéo dài, không xảy ra trọng án; tội phạm tệ nạn xã hội (nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp...) được kiềm chế, giảm so với các năm trước.

3.6. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, Chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong phong trào xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; bảo đảm tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã. Cán bộ, công chức xã được đào tạo ngạch chuyên viên, tham gia đầy đủ các buổi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội do cấp trên tổ chức.

- Thường xuyên quán triệt, phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân về cải cách hành chính; năng lực quản trị

và hành chính công (chỉ số PAPI); hiệu lực, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền đối với sự phát triển bền vững của tỉnh, của thành phố và của xã.

- Thực hiện tốt chế độ trực tại bộ phận (Một cửa), tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng thời gian quy định. Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, UBND xã đã trang bị Ki ốt phục vụ công dân tra cứu các thông tin. Đồng thời việc công khai, minh bạch, phát huy vai trò dân chủ trực tiếp của nhân dân, người lao động trong việc giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhất là các lĩnh vực: kế hoạch thu, chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản,... cũng được thực hiện tốt.

- UBND 02 xã phối hợp với phòng Tư pháp thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho nhân dân trên địa bàn; tại nhà văn hóa các thôn đều có các tủ sách pháp luật, được trang bị máy tính, 11/11 máy tính có kết nối internet để nhân dân tìm hiểu và tra cứu thông tin, kiến thức.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ đã triển khai thực hiện cuộc vận động “5 không, 3 sạch”, cuộc vận động này được đông đảo hội viên tham gia. Kết quả trên là tiền đề quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và phong trào xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn 02 xã.

3.7. Kết quả xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu

- Đã in ấn và lắp đặt 19 bảng Pano tuyên truyền về bộ tiêu chí Xã NTM kiểu mẫu, Khu dân cư (thôn) NTM kiểu mẫu, Hộ gia đình NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu theo các Quyết định của UBND Tỉnh đặt tại Trụ sở UBND 02 xã và Nhà văn hóa 11 thôn (xã Điện Công 04 bảng, xã Thượng Yên Công 15 bảng).

- Đường trục xã, liên xã được cấm biển báo chỉ dẫn giao thông, trồng bổ sung cây xanh, cây bóng mát, bồn hoa cây cảnh hoặc cây có hoa hai bên đường, trồng cây tạo cảnh quan trên các tuyến đường, đường trục chính liên xã, trồng cây tạo hàng rào xanh, đường viền xanh; đường trục thôn trồng cây tạo hàng rào xanh. Riêng tại xã Điện Công đường trục 03 thôn được cấm biển báo giao thông, biển chỉ dẫn đầu các trục thôn.

- Tiếp tục hoàn thiện mặt bằng thiết kế quy hoạch chi tiết, lập dự toán các tuyến đường ngõ, xóm; vẽ sơ đồ quy hoạch khu dân cư, vẽ sơ đồ quy hoạch, thiết kế vườn hộ. Lựa chọn các hộ gia đình có diện tích vườn phù hợp để xây dựng các vườn mẫu, vận động các hộ gia đình có vườn còn lại quy hoạch lại vườn của gia đình lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương để tăng hiệu quả kinh tế, tạo thu nhập cho hộ gia đình.

- Nhà văn hóa các thôn trên địa bàn 02 xã: Bố trí tủ sách có ít nhất 100 đầu sách; hệ thống âm thanh và trang thiết bị khác đảm bảo cho sinh hoạt văn hóa, văn nghệ;

- Thực hiện chủ đề công tác năm về chỉnh trang đô thị, tại 02 xã đã chỉnh trang khuôn viên trụ sở UBND xã và tại các Nhà văn hóa bằng việc trồng cây bóng mát, đặt các chậu hoa trong khuôn viên, thường xuyên quét dọn sắp xếp gọn gàng ngăn nắp và thực hiện trồng cây cảnh quan¹.

¹ Tại xã Thượng Yên Công: Triển khai trồng 12 cây hoa OSAKA trước vườn hoa trụ sở UBND xã và 108 cây sấu trên địa bàn xã, 1.000 cây thông tại khu xử lý chất thải rắn Khe Giang, 350 cây hoa giấy, 400 cây hoa ngũ sắc với tổng chiều dài tuyến đường được trồng 4.350 m; Xây kè, bồn trồng cây xanh, hoa tại các tuyến đường thôn 1, thôn 2 với tổng chiều dài 1.200 m.

Tại xã Điện Công: Tổ chức trồng và đặt 30 chậu cây Hoa giấy trước cửa trường Tiểu học và THCS xã Điện Công. Xây bồn trồng 13 cây OSAKA, cây xanh tạo cảnh quan tuyến đường từ cổng Cửa Đình đến Trung tâm

- Trong năm 2018 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 về việc ban hành tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số: 3923/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao, áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2020; UBND thành phố đã chỉ đạo Văn phòng điều phối Nông thôn mới, UBND 02 xã, các phòng ban đơn vị liên quan rà soát đánh giá các tiêu chí và tổ chức thực hiện nội dung của các Quyết định nêu trên.

2. Kết quả xây dựng Nông thôn mới:

- Tổng số xã trên địa bàn Thành phố: 02 xã.
- Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới: 02 xã (được công nhận tại Quyết định số: 223 ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh).
- **Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí tại Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND Tỉnh:**

Xã Diên Công đạt 19/20 tiêu chí, còn 1 tiêu chí (gồm 3 chỉ tiêu) chưa đạt là tiêu chí số 20 về xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Xã Thượng Yên Công đạt 18/20 tiêu chí, còn 2 tiêu chí (gồm 4 chỉ tiêu) chưa đạt là tiêu chí số 17- 01 chỉ tiêu chưa đạt chỉ tiêu về chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, tiêu chí số 20 về xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

- Kết quả thực hiện xã Nông thôn mới nâng cao:

Xã Diên Công đạt 5/8 tiêu chí, còn 3 tiêu chí gồm 3 chỉ tiêu chưa đạt là: chỉ tiêu số 1.4 thuộc tiêu chí phát triển sản xuất; chỉ tiêu số 3.4 thuộc tiêu chí hạ tầng; chỉ tiêu số 8.1 thuộc tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

Xã Thượng Yên Công đạt 5/8 tiêu chí, còn 3 tiêu chí gồm 3 chỉ tiêu chưa đạt là: chỉ tiêu số 3.4 thuộc tiêu chí hạ tầng; chỉ tiêu số 5.2 thuộc tiêu chí môi trường; chỉ tiêu số 8.1 thuộc tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được chỉ đạo và thực hiện theo hướng chuyển dần từ lượng sang chất. Các xã đã tập trung đầu tư hoàn thành các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân (hệ thống điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, kênh mương nội đồng).

Cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá, cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển biến theo hướng tích cực; sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp tăng so cùng kỳ năm 2017. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công

xã đăng ký là tuyến đường chính trục đô thị thực hiện chủ đề năm với Thành phố. Trồng bổ sung 10 cây xanh tại tuyến đường thôn 2 (từ Ngõ ông Quang đến Nhà Văn hóa); huy động xã hội hóa nguyên vật liệu: 2 vạn Gạch chỉ đỏ, 10 m³ cát, 5 tấn xi măng để hỗ trợ xây dựng tường rào cho một số hộ dân tại các tuyến đường trung tâm xã và thôn 1, thôn 2; xây dựng kè, đường viền dọc tuyến đường tại thôn 1, 2 để trồng hoa; phối hợp với Ban chỉ huy Quân sự thành phố, các ban ngành đoàn thể thành phố; Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các ban ngành đoàn thể phường Quang Trung trồng 500 cây hoa giấy trên tuyến đường Cầu 1 đến Cầu 2 với chiều dài 1.100 m.

ng nghiệp, dịch vụ, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng nâng cao.

Nhân dân đã các xã cơ bản đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động, xác định nhiệm vụ xây dựng NTM là trách nhiệm của mỗi người dân; người dân được hưởng lợi ích trực tiếp từ kết quả của chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, nội dung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 tại địa bàn cả 02 xã chưa thực sự hiệu quả, nhiều hộ dân, kể cả cán bộ chưa nắm rõ chỉ đạo của Thành phố, nội dung các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu, các cơ chế khuyến khích trong sản xuất nông nghiệp để vận dụng thực hiện.

- Việc bố trí nguồn vốn xây dựng nông thôn mới ở cấp xã còn bất cập, nặng về đầu tư hạ tầng, nguồn vốn bố trí cho dự án phát triển sản xuất còn hạn chế. Việc giải ngân nguồn vốn chậm.

- Việc chỉnh trang cảnh quan, môi trường được thực hiện nhưng chưa đồng bộ, thiếu nhất quán dẫn đến tình trạng dàn trải và mang tính hình thức, còn chậm chưa chú ý tới những yêu cầu của tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm và tiêu chí xây dựng khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu.

- Việc xây dựng khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu triển khai thực hiện chậm tại thôn Đồng Chanh, xã Thượng Yên Công và Thôn 2 xã Điền Công (02 thôn đang ký hoàn thành khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2018) chủ yếu chậm đối với các tiêu chí: Vườn hộ và công trình chăn nuôi; Hàng rào cây xanh; Đường giao thông thôn, bản.

- Người dân chưa chú trọng tới việc đổi mới cơ cấu giống vật nuôi cây trồng để phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng và đặc điểm riêng của từng xã, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất còn hạn chế, việc chưa tuân thủ lịch thời vụ trong gieo trồng còn xảy ra. Do đó hiệu quả kinh tế trong đầu tư phát triển sản xuất mang lại chưa cao.

2.2. Nguyên nhân

- Một bộ phận nhân dân các xã đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động song phần lớn người dân chưa nhận thức đầy đủ, chưa tích cực vào cuộc, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước.

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới ở cấp ủy các xã chưa thực sự sâu sát, các tổ chức chính trị - xã hội còn chưa nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và vận động nhân dân; sự phối hợp giữa các phòng, ban chuyên môn của Thành phố trong tổ chức thực hiện chưa thực sự chặt chẽ; chưa bám sát tình hình thực tế, tổ chức rút kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí; việc huy động mọi nguồn lực, cùng chung tay, góp sức xây dựng các chỉ tiêu, tiêu chí Nông thôn mới còn hạn chế.

- Việc triển khai giải ngân vốn trong chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2018 chậm do theo quy định của Luật Đầu tư, các công trình đầu tư xây dựng năm 2018 phải được phê duyệt trước ngày 31/10/2017, trong khi đó Đề án Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 của 02 xã được phê duyệt vào tháng 12/2017.

Phần II

NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới khai thác tích cực các tiềm năng đất đai, lao động tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa. Cải tạo, phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội, xây dựng vùng nông thôn có kinh tế phát triển, có hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiên tiến, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, xã hội nông thôn lành mạnh, an toàn, dân chủ, công bằng, văn minh, kết hợp hài hòa và sáng tạo việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của địa phương; được thực hiện với phương châm phát huy tối đa nội lực của nhân dân là chính, Nhà nước hỗ trợ để làm động lực phát huy sức đóng góp của nhân dân địa phương và cộng đồng. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của địa phương, đóng góp của nhân dân và sự hỗ trợ của Trung ương, Tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu hoàn thành cơ bản các tiêu chí, chỉ tiêu còn chưa đạt trong năm 2018 trên địa bàn các xã theo nội dung Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh (từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 19 tại xã Thượng Yên Công).

- Phần đầu nâng cấp các và hoàn thành các tiêu chí trong bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao qui định tại Quyết định 3923/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Tiếp tục triển khai chương trình OCOP giai đoạn 2017-2020, tập trung xây dựng từ 1-2 sản phẩm tiêu biểu, gắn với việc nâng cao chất lượng sản phẩm.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRONG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện:

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về tư duy và ý thức của người dân trong xây dựng nông thôn mới, vận động cộng đồng và doanh nghiệp ủng hộ sức người, sức của cùng chung tay trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng bền vững, chỉnh trang đường giao thông nông thôn, chú trọng công tác bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế gắn với nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Giải pháp triển khai thực hiện:

- Công tác tuyên truyền cần được tiến hành thường xuyên có kế hoạch cụ thể để: phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Tỉnh, Thành phố, đề án xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn kiểu mẫu giai đoạn 2019 -2020 của 02 xã, đến toàn thể nhân dân, cán bộ, đảng viên, các tổ chức chính trị xã hội, các ban ngành, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Giải pháp về nguồn vốn: Ngoài nguồn vốn ngân sách, phải tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

- Rà soát, bổ sung, quản lý, thực hiện đồng bộ các quy hoạch: quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới để tạo sự thống nhất không chồng chéo trong quá trình thực hiện.

3. Công tác chuẩn bị đầu tư năm 2019

- Tổng số: 25 công trình. Trong đó:
 - + Giao thông nông thôn 10 công trình; dài 2,483 km;
 - + Thủy lợi 01 công trình; dài 0,292km;
 - + Đường nội đồng 03 công trình;
 - + Nâng cấp, XD mới nhà văn hóa thôn 04 công trình;
 - + Đường giao thông vào nghĩa trang: 04 công trình.
 - + Xây dựng cổng chào thôn: 01 công trình.
 - + GPMB hạ tầng thực hiện quy hoạch đất dân cư: 01 công trình.
 - + Xây dựng khu vệ sinh xã Thượng Yên Công: 01 công trình
 - Tổng nguồn vốn đầu tư: 411,467 triệu đồng.
- (Kèm theo biểu Danh mục công trình, dự án chi tiết)

4. Tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở mục tiêu nhiệm vụ phải xây dựng cụ thể chương trình kế hoạch chi tiết để thực hiện; ban hành quy chế quản lý sử dụng nguồn vốn cho hợp lý, chuẩn bị đầu tư trên cơ sở đề xuất cụ thể từ thôn, xã với điều kiện những công trình đó phải thiết thực với đời sống của nhân dân, phù hợp với quy hoạch và các văn bản hướng dẫn.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo xây dựng vườn mẫu tại các hộ gia đình theo hướng cải tạo xóa bỏ vườn tạp, quy hoạch lại vườn hộ, bố trí cơ cấu cây trồng vật nuôi để làm tăng giá trị trên đơn vị diện tích đất và đồng vốn đầu tư, tạo ra nguồn thu nhập ổn định bền vững cho các hộ gia đình.

- Tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới thường xuyên, liên tục nhằm rút kinh nghiệm những tồn tại, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019 trên địa bàn thành phố Uông Bí./. 

Nơi nhận:

- Ban XDNTM tỉnh QN (b/c);
- TT thành ủy, HĐND, UBNDTP;
- Thành viên BCĐXDNTM thành phố;
- Đảng ủy, UBND xã: Điện Công, T.Yên Công;
- Lưu VPTU, VPĐP

PHÓ BÍ THƯ THÀNH ỦY

Kiểm

PHÓ TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Nguyễn Mạnh Hà

**Phụ biểu 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU CHỦ YẾU
XÂY DỰNG NTM NĂM 2018 - TP UÔNG BÍ**

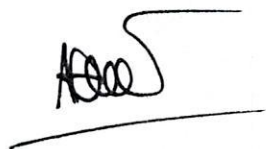
TT	Mục tiêu	Hiện trạng hết năm 2017	Thực hiện đến 30/11/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2018	% So với kế hoạch	Ghi chú
I	MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU					
1	Thu nhập bình quân người/năm (triệu đồng)	39,5	42,3	42,3	102	
2	Tỉ lệ hộ nghèo (%)	1,38	0,46	0,46	161	
3	Tỉ lệ lao động có việc làm thường xuyên (%)	97	97,5	97,5	100,5	
4	Tỉ lệ người tham gia BHYT (%)	90,4	92,1	92,1	101	
5	Tỉ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo chuẩn quốc gia (%)	83	85,5	85,5	100,6	
6	Sản phẩm tham gia Chương trình OCOP	33	33	33	100	
7	Bình quân số tiêu chí(chỉ tiêu) đạt/xã	17/20	18,5/20	18,5/20	97,3	

Uông bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG

TRƯỞNG BAN

Người lập



Phạm Văn Sự



Nguyễn Mạnh Hà
CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

**HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018- TP ỦNG BÍ**

TT	Nội dung nguồn vốn	Kế hoạch 2018 (Tr.đồng)	Thực hiện hết T11/2018 (Tr.đồng)	Ước cả năm 2018 (Tr.đồng)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	21.181,85	8.460,76	21.606,35	
I	VỐN NGÂN SÁCH	17.223,93	4.132,94	7.845	
1	<i>Ngân sách Trung ương</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>	<i>(vốn thường của TƯ)</i>
2	<i>Ngân sách cấp trực tiếp</i>	<i>15.223,93</i>	<i>4.132,94</i>	<i>6.845</i>	
	Tỉnh	0	0	0	
	Huyện	4.471,47	645,51	4.486	
	Xã	10.752,46	3.487,43	2.359	
3	<i>Vốn lồng ghép (Chương trình 135,.....Đề án 755; các dự án/chương trình có mục tiêu thực hiện trên địa bàn; khác)</i>	0	0	0	
II	VỐN XÃ HỘI HÓA	3.957,92	4.327,82	7.828	
1	Vốn tín dụng (*) <i>(DS cho vay lĩnh vực nông nghiệp nông thôn hết QIII.2017)</i>	0	0	0	
2	Vốn Doanh nghiệp		263	263	
3	Vốn dân góp	3.957,92	4.064,82	1.814	
	<i>Tiền mặt</i>	<i>104,6</i>	<i>164,6</i>	<i>115</i>	
	<i>Ngày công lao động</i>	<i>16.942</i>	<i>17.450</i>	<i>17.450</i>	
	<i>Quy đổi thành tiền</i>	<i>338,84</i>	<i>440,34</i>	<i>440,34</i>	

	Hiện đất (m2)	2417	2417	2417
	Quy đổi thành tiền	2011	2011	2011
	Cây trồng, vật kiến trúc (quy đổi thành tiền)	1053,4	1053,4	1053,4
4	Vốn khác (hỗ trợ từ các địa phương, sở ngành, đơn vị...)	0		0

(*): Vốn tín dụng: do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Người lập



Phạm Văn Sự

Uông bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018
BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Mạnh Hà
CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Phụ biểu số 05 :

**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM NĂM 2018- TP UÔNG BÍ**

ĐVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Kế hoạch phân bổ vốn NS tỉnh năm 2018	Kết quả huy động và thực hiện hết 30/11/2018						Ước hết 31/12/2018						Ghi chú		
			Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Danh nghiệp, tài trợ khác	Danh nghiệp, tài trợ khác	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp					Danh nghiệp, tài trợ khác	
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Lồng ghép từ các dự án/Chương trình khác, vốn huyện, các xã				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Lồng ghép từ các dự án/Chương trình khác, vốn huyện, các xã			
1	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới		67				67					67					
2	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới		191				191					472.70					
3	Hoạt động của BCD và cơ quan tham mưu, giúp việc ở các cấp		0							0							
4	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới		0							51							
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội		5.165,92	2.766,08	0	0	2.766,08	0	0	2.399,84	15.582,09	13.177,65	2.000	0	11.177,65	0	2.404,44
5.1	Giao thông nông thôn		3.425,92	1.081,08			1.081,08			2.344,84	8.746,36	6.401,52			6.401,52		2.344,84
5.2	Thủy lợi nội đồng		407	402			402			5	894,50	889,50			889,50		5
5.3	Điện nông thôn		350	350			350				1.488,60	1.434	1.000		434		54,60
5.4	Trường học		0	0							0	0					
5.5	CSVC VH xã		834	834			834				1.356,96	1.356,96			1.356,96		

[illegible]

Đơn vị: Thành phố Uông Bí

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt theo vùng		Xã Điện Công (khu vực 1)	Xã Thượng Yên Công (K. vực 1)	Ghi chú
			Các xã khu vực I	Các xã khu vực II,III			
BQ tiêu chí đạt					19/20	18/20	
BQ chỉ tiêu đạt					50/53	49/53	
I. QUY HOẠCH							
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI							
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%	100%	
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (100% cứng hóa)	100% (80% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (100% cứng hóa)	100% (70% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (100% cứng hóa)	100% (60% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥ 90	≥ 80	90%	90%	
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	≥95%	100%	100%	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%	70%	100%	100%	

6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	100%	70%	100%	100%	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.5. Xã có phủ sóng truyền hình QTV	100%	95%	100%	100%	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%	≥75%	95%	90%	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT							
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (Năm 2017: xã khu vực I là 37 triệu đồng/người; các xã khu vực II,III là 26 triệu đồng/người)	≥50	≥36	45	41,3	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤2%	≤12%	0,17	0,88	
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG							
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥90%	≥70%	95%	90%	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥45%	≥25%	60%	46%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤13,9%	≤26,7%	9%	9,2 %	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥98% (≥65% nước sạch)	≥90% (≥50% nước sạch)	100% (90% nước sạch)	100% (80% nước sạch)	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%	≥70%	95%	93%	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%	≥60%	95%	78%	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	100%	
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ							
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%	100%	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

20	Khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu	20.1. Tỷ lệ thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn kiểu mẫu	50-60%	50-60%	chưa đạt	chưa đạt	
		20.2. Tỷ lệ hộ gia đình kiểu mẫu	70%	50%	Chưa đạt	Chưa đạt	
		20.3. Tỷ lệ hộ xây dựng mô hình vườn mẫu	70%	50%	Chưa đạt	Chưa đạt	

Người lập


Phạm Văn Sự

Uông bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Mạnh Hà
CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Phụ biểu số 07

Đơn vị: Thành phố Uông Bí

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2018

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu	Yêu cầu	Xã Điện Công	Xã Thượng Yên Công	Ghi chú
BQ tiêu chí đạt				4/8	4/8	
BQ chỉ tiêu đạt				23/27	24/27	
1	Phát triển sản xuất	1.1. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng hóa chủ lực của xã, huyện, tỉnh, gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	1	1	
		1.2. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt	0	1	
		1.3. Có ít nhất 01 HTX thành lập theo luật HTX năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng; Có kế hoạch thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch...của địa phương	Đạt	1	1	
		1.4. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, sản phẩm OCOP được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP, đáp ứng quy định về ghi nhãn hàng hóa, tiêu chuẩn đo lường, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, công bố tiêu chuẩn theo quy định và sản tem truy xuất nguồn gốc.	Đạt	0	1	
		1.5. Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực.	Đạt	1	1	
		1.6. Có ít nhất một mô hình tích tụ ruộng đất (thuê, liên kết, hợp tác sản xuất)	Đạt	1	1	
2	Thu nhập - Hộ nghèo	2.1. Thu nhập phải cao hơn từ 1,2 lần trở nên so với thời điểm công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt	1	1	
		2.2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5 lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng.	Đạt	1	1	
3	Hạ tầng	3.1. Có hệ thống đảm bảo an toàn giao thông, chiếu sáng và trồng cây xanh tại các tuyến đường khu trung tâm tập trung dân cư	Đạt	1	1	
		3.2. Các công trình hạ tầng được quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp phát huy hiệu quả đầu tư.	Đạt	1	1	
		3.3. Hệ thống thủy lợi đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp tập trung của xã.	Đạt	1	1	

		3.4. Xã và các thôn có cổng trào (Thôn đạt 70%; khuyến khích trồng, tạo dáng cổng trào bằng cây xanh)	Đạt	0	0	
		3.5. Nhà văn hóa, khu thể thao thôn được xanh hóa (thôn 70%)	Đạt	1	1	
		3.6. Có tên đường, số nhà trên các tuyến chính đường liên thôn, liên xã.	Đạt	1	1	
4	Giáo dục - y tế - văn hóa	4.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt	1	1	
		4.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 65% trở lên	Đạt	1	1	
		4.3. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.	Đạt	1	1	
		4.4. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được bảo đảm thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương, xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo	Đạt	1	1	
		4.5. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro, thiên tai, cơ chế chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi các thức làm ăn phù hợp.	Đạt	1	1	
5	Môi trường	5.1. Có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã	Đạt	1	1	
		5.2. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng- xanh - sạch- đẹp, giữ được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã; có mô hình phân loại rác tại nguồn.	Đạt	1	0	
		5.3. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.	Đạt	1	1	
		5.4. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quan. 70% lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn được thu gom, xử lý theo đúng quy định.	Đạt	1	1	
6	Hệ thống chính trị	6.1. Thực hiện đầy đủ, đúng quy định 6 nội dung của thủ tục hành chính, trọng tâm là cải cách hành chính (niêm yết công khai, kịp thời, đầy đủ thủ tục hành chính; rà soát kiến nghị để đơn giản hóa thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân đúng quy định, đảm bảo 100% đúng hạn.	Đạt	1	1	
		6.2. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Các thôn bản xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng. Cán bộ công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	1	1	

7	An ninh trật tự	7.1. Tỷ lệ thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT" đạt 100%; nhân dân tích cực tham gia phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	1	1	
8	Thôn đạt chuẩn NTM	8.1. (1) Các xã khu vực I tối thiểu 50% số thôn trong xã đạt chuẩn nông thôn mới; (2) Các xã khu vực II, III tối thiểu có 30% số thôn trong xã đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt	0	0	

Người lập



Phạm Văn Sự

Uông bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Mạnh Hà
CHU TỊCH UBND THÀNH PHỐ

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH/DỰ ÁN HẠ TẦNG THIẾT YẾU CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2019- TP UÔNG BÍ

TT	Tên dự án/công trình	Quy mô dự án/ công trình	Địa điểm thực hiện	Năm đầu tư	Năm hoàn thành	Nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)							Thủ tục đầu tư (QĐ phê duyệt dự án,...)	Đơn vị quản lý dự án
						Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Ngân sách lồng ghép	Vốn huy động từ tổ chức, DN, HTX, người dân	Vốn khác	
	Tổng vốn					23.411,467			11.379,479	10.178,257		1.853,731		
1	Xã Điền Công					8.939			3.018	5.577		344		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 (hạng mục nhà chính)	Xây các hạng mục chính (xây mới NVH + nhà vệ sinh + sân bê tông	Thôn 3	2019	2019	1.883			1.750	133				UBND xã
2	Thăm tuyến đường trục chính thôn 1	Chiều dài 395,94 m	Thôn 1	2019	2019	1.000				1.000				UBND xã
3	Mở rộng tuyến đường bê tông thôn 3 (đoạn từ kênh N2- 13 đến nhà bà Vương)	Chiều dài 383,85 m Rộng 7,5m	Thôn 3	2019	2019	2.419				2.419				UBND xã
4	Công trào thôn 3	Đổ móng lấp đặt cột khung thép	Thôn 3	2019	2019	78				78				UBND xã

	Tuyến đường từ trạm bơm đến cửa cống quay	Chiều dài 292,05m	Thôn 1	2019	2019		1.011		750	261							QĐ số 114 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
5																		
6	Đường từ nhà bà Vượng đến nhà bà Thi thôn 3	Chiều dài 670,28	Thôn 3	2019	2019		1.113		284	627				202			QĐ số 115 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
7	Đường giao thông từ nhà ông Tuyển đến nhà bà Động		Thôn 1	2019	2019		476		115	279				82			QĐ số 116 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
8	Đường giao thông từ nhà ông Vĩnh đến nhà ông Hoàng	Chiều dài 87m	Thôn 1	2019	2019		183		66	92				25			QĐ số 117 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
9	Đường giao thông từ nhà bà Cán đến nhà ông Việt	Chiều dài 83,29m	Thôn 1	2019	2019		175		53	88				35			QĐ số 118 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
10	GPMB hạ tầng thực hiện quy hoạch đất thôn 3	2000 m ²	Thôn 3	2019	2019		600			600							QĐ số 119 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
II	Xã Thượng Yên Công						14.472,467		8.361,479	4.601,257				1.059,731				
I	Tuyến xóm ông Thu, thôn Năm Mẫu I	Chiều dài 243,01m; rộng	Thôn Khe Sủ I	2019	2019		535,393		167,713	270,165				97,515			QĐ số 163 ngày 30/10/20 18 của	UBND xã

		3,5m																			UBND xã	
	Tuyến xóm ông Sanh thôn Khe Sủ 2	Chiều dài 250,08m; rộng 3m	Thôn Khe Sủ 2	2019	2019									424,883					144,057	217,436	63,39	UBND xã QĐ số 173 ngày 30/10/2018 của UBND xã
	Tuyến xóm ông Thanh thôn Tập Đoàn	Chiều dài 202,47m; rộng 3m	Thôn Tập Đoàn	2019	2019									345,843					129,922	145,001	70,92	UBND TP QĐ của UBND thành phố UB, KQTT số 150 ngày 23/10/2018
	Tuyến đường xóm Bến Ván (đoạn từ điểm tiếp giáp với tuyến đường Thượng Yên Công đến đầu cầu Bến Ván)	Chiều dài đường L = 166,64m; mặt đường rộng 3,5m; Rãnh thoát nước dài 142,65m	Thôn Đồng Chanh	2019	2019									574,993					77,977	441,978	55,038	UBND TP QĐ của UBND thành phố UB, KQTT số 217 ngày 25/10/2018
	Đường nội đồng			2019	2019									0								UBND TP QĐ của UBND thành phố UB, KQTT số 135 ngày 19/10/2018
	Tuyến Đình hạ, thôn Khe Sủ 2	Chiều dài 800,88m; rộng 3m	Thôn Khe Sủ 2	2019	2019									1224,194					363,701	593,688	266,805	UBND xã QĐ số 174 ngày 30/10/2018 của UBND xã

	2	3	4		5
--	---	---	---	--	---

6	Tuyến Cầu Độc thôn Năm Mẫu 1	Chiều dài 308,22m; rộng 3m	Thôn Năm Mẫu 1	2019	2019	583,75				173,651	321,736	88,363		QĐ số 163 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
7	Tuyến Cửa Miếu thôn Năm Mẫu 2	Chiều dài đường L = 395,3; rộng 3m	Thôn Năm Mẫu 1	2019	2019	598,906				216,387	237,548	144,971		QĐ số 173 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
8	Đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Đồng Chanh	Chiều dài 369,32m; rộng 3m	Thôn Đồng Chanh	2019	2019	400,203				157,747	178,332	64,124		QĐ của UBND TPUB, KQTT số 150 ngày 23/10/2018	UBND xã
9	Đường vào nghĩa trang Thùng Rượu thôn Năm Mẫu 2	Chiều dài 319,28m; rộng 3m	Thôn Năm Mẫu 2	2019	2019	595,563				201,011	263,266	131,286		QĐ của UBND TPUB, KQTT số 217 ngày 25/10/2018	UBND xã
10	Đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Miếu Bồng	Chiều dài rộng 3m	Thôn Miếu Bồng	2019	2019	1059,803				211,77	690,587	157,446		QĐ của UBND TPUB, KQTT số 135 ngày 19/10/2018	UBND xã
11	Đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Khe Sủ 1	Chiều dài 839,2m; rộng 3,5m	Thôn Khe Sủ 1	2019	2019	1772,617				568,884	833,86	369,873		QĐ số 174 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã
12	Nhà văn hóa thôn Miếu Bồng	Diện tích 175 m2	Thôn Miếu Bồng	2019	2019	2082,451				2082,451				QĐ số 163 ngày 30/10/20 18 của UBND xã	UBND xã

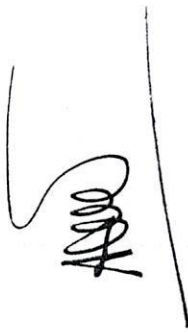
13	Nhà văn hóa thôn Tập Đoàn	Diện tích 251 m ²	Thôn Tập Đoàn	2019	2019	1780,372	1780,372					QĐ số 173 ngày 30/10/20 18 của UBND Xã	UBND Xã
14	Nhà văn hóa thôn Khe Sủ 2	Diện tích 160m ²	Thôn Khe Sủ 2	2019	2019	2085,836	2085,836					QĐ của UBND TP. KQTT số 150 ngày 23/10/2018	UBND Xã
15	Nhà vệ sinh UBND xã Thượng Yên Công	Diện tích 54 m ²	Xã TYC	2019	2019	407,66	407,66					QĐ của UBND TP UB- KQTT số 217 ngày 25/10/2018	UBND Xã

Uông bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG

TRƯỞNG BAN

Người lập



Phạm Văn Sự



Nguyễn Mạnh Hà

CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Phụ biểu số 08

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ (THÔN) NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM 2018

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch thực hiện 2018 (thôn)				Kết quả thực hiện năm 2018 (thôn)			Đăng ký mới 2019
		Tổng số	Đăng ký mới 2018	Thôn đạt chuẩn 2017 (duy trì, nâng chất)	Thôn chưa đạt chuẩn 2017 (tiếp tục thực hiện)	Cộng	Số thôn đã đạt chuẩn	Số thôn chưa đạt chuẩn	
1	Xã Điện Công	2	1	0	1	2	1	1	1
2	Xã Thượng Yên Công	4	3	0	1	4	1	3	
	Cộng	6	4	0	2	6	2	4	1

Uông bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG
TRƯỞNG BAN

Người lập

(Signature)

Phạm Văn Sử



Nguyễn Mạnh Hà
CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Phụ biểu số 09

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG VƯỜN MẪU NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch thực hiện 2018 (vườn)				Kết quả thực hiện năm 2018 (vườn)					Đăng ký mới 2019	
		Tổng số	Đăng ký mới 2018	Vườn đạt chuẩn 2017 (duy trì, năng suất)	Vườn chưa đạt chuẩn 2017 (tiếp tục th. hiện)	Cộng	Số vườn đã đạt chuẩn	Số vườn chưa đạt chuẩn	Chia ra các loại			
									Số lượng vườn đạt 8-11 chỉ tiêu	Số lượng vườn đạt 5-7 chỉ tiêu		Số lượng vườn đạt dưới 5 chỉ tiêu
1	Xã Điện Công	11	6	0	0	11	5	6	5	1	0	2
2	Xã Thượng Yên Công	14	9	0	0	14	8	6	3	3	0	5
	Cộng	25	15	0	0	25	13	12	8	4	0	7

Người lập



Phạm Văn Sử

Ước b, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Mạnh Hà

CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Phụ biểu số 10

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM 2018

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch thực hiện năm 2018 (hộ)				Kết quả thực hiện năm 2018 (hộ)		Đăng ký mới 2019
		Tổng số	Đăng ký mới 2018	Hộ đạt chuẩn 2017 (duy trì, nâng chất)	Hộ chưa đạt chuẩn 2017 (tiếp tục thực hiện)	Cộng	Số hộ đã đạt chuẩn (ước đến 31/12)	Số hộ chưa đạt chuẩn
1	Xã Điện Công	11	6	0	0	11	8	3
2	Xã Thượng Yên Công	14	9	0	0	14	5	9
	Cộng	25	15	0	0	25	13	12
								7

Người lập

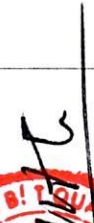


Phạm Văn Sự

Uông bí, ngày 05 tháng 12 năm 2018

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CTMTQG
TRƯỞNG BAN




Nguyễn Mạnh Hà
CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ